TRƯỜNG ĐH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG HÀ NỘI
KHOA NGOẠI NGỮ
BỘ MÔN TIẾNG ANH CƠ BẢN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TIẾNG ANH 3

Hệ đào tạo: Đại học chính quy
Ngành đào tạo: Kiểm toán

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: **TIẾNG ANH 3**
  (English 3)
- Mã học phần: DCB.04.08
- Số tín chỉ: 04
- Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động: (số lượng tiết)
  + Lý thuyết: 20 tiết
  + Bài tập: 35 tiết
  + Kiểm tra: 05 tiết
  + Tự học: 120 tiết
- Khoa, Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Tiếng Anh cơ bản
- Giảng viên phụ trách học phần (dự kiến):
  1) Họ và tên: ThS. Phạm Hồng Phượng
     Chức danh: Giảng viên
     Thông tin liên hệ: ĐT: 0902075299 Email: phamhongphuong@fbu.edu.vn
  2) Họ và tên: ThS. Nguyễn Thị Hồng Mai
     Chức danh: Giảng viên.
     Thông tin liên hệ: ĐT: 0342445354 Email: nguyenthihongmai@fbu.edu.vn
  3) Họ và tên: ThS Lê Thị Yến
     Chức danh: Giảng viên
     Thông tin liên hệ: ĐT: 0904687937 Email: leyen@fbu.edu.vn

2. Các học phần tiên quyết

Các học phần tiên quyết: Không

3. Mục tiêu của học phần:

3.1 Mục tiêu chung:

Sau khi học xong học phần Tiếng Anh 3, sinh viên có thể:

- Sử dụng vốn kiến thức nền tảng về ngữ pháp, từ vựng, phát âm đã được củng cố trong quá trình học để có các kỹ năng nghe nói đọc viết bằng tiếng Anh cơ bản trong các tình huống giao tiếp và về các chủ đề quen thuộc, tương đương trình độ A2+ theo khung tham chiếu Châu Âu CEFR.

3.2 Mục tiêu cụ thể

Cung cấp cho sinh viên kiến thức ngữ pháp, từ vựng, các cấu trúc câu đơn và câu ghép về các cách diễn đạt cho những tình huống giao tiếp các chủ đề quen thuộc hàng ngày.

Rèn luyện cho sinh viên được phát triển 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ở mức trung cấp liên quan đến các tình huống quen thuộc hàng ngày.

Rèn luyện cho sinh viên về ý thức trách nhiệm trong nhiệm vụ được giao, tinh thần hợp tác, khả năng tự học.

4. Chuẩn đầu ra của học phần - CLO (Course Learning Outcomes)

4.1. Nội dung chuẩn đầu ra học phần:

Sau khi học xong học phần, sinh viên có thể:

**** Về kiến thức***

CLO1: Vận dụng được các kiến thức về ngôn ngữ tiếng Anh (ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng) đã được học trong các ngữ cảnh và tình huống giao tiếp cụ thể.

** Về kỹ năng*

CLO2: Nghe những thông tin đơn giản được diễn đạt bằng giọng chuẩn về các chủ đề quen thuộc.

CLO3: Giao tiếp trong các tình huống quen thuộc hàng ngày, trình bày ý kiến của mình về các chủ đề văn hóa như sách báo, âm nhạc.

CLO4: Đọc hiểu được các thông tin khá phức tạp, các bài đọc độ dài 200-300 từ.

CLO5: Viết thư không trang trọng sử dụng các thì, các cấu trúc câu đơn, câu phức khá linh hoạt và có sử dụng phương tiện liên kết ý rõ ràng.

** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*

CLO6: Thể hiện ý thức trách nhiệm trong nhiệm vụ được giao, tinh thần hợp tác, khả năng tự học.

Ghi chú: CLO = Course Learning Outcomes = Chuẩn đầu ra của học phần.

4.2. Ma trận mức độ đóng góp của CĐR học phần (CLO) vào CĐR của CTĐT

Ghi chú:

- PLO = Program Learning Outcomes = Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo
- Mức độ đóng góp của CLO và PLO được xác định cụ thể như sau:

L (Low) – CLO có đóng góp ít vào PLO

M (Medium) – CLO có đóng góp vừa vào PLO

H (High) - CLO có đóng góp nhiều vào PLO

Chú thích: H-cao; M-vừa; L-thấp – phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO đối với PLO ở mức bắt đầu (mức L) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu; có nhiều cơ hội được thực hành, thực tế (mức M) hay mức thuần thục, thành thạo (mức H).

	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11
CLO1											
CLO2						**M**					
CLO3						**M**					
CLO4						**M**					
CLO5						**M**					
CLO6										**M**	
Tổng hợp toàn bộ HP						**M**				**M**	

Trong đó:

Mức độ đóng góp của CLO và PLO được xác định cụ thể như sau:

L (Low) – CLO có đóng góp ít vào PLO

M (Medium) – CLO có đóng góp vừa vào PLO

H (High) – CLO có đóng góp nhiều vào PLO

4.3. Ma trận nhất quán giữa phương pháp dạy học với chuẩn đầu ra học phần (CLO)

STT	Mã PP	Phương pháp dạy học (PPDH)	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6
1	M1	Thuyết giảng	x					
2	M2	Dạy học giao tiếp	x	x	x	x	x	x
3	M3	Dạy học theo nhóm	x	x	x	x	x	x
4	M4	Học theo nhiệm vụ	x	x	x	x	x	x
5	M5	Hướng dẫn tự học	x	x	x	x	x	x

5. Nhiệm vụ của sinh viên

- Nghiên cứu trước giáo trình, tài liệu theo chương trình.
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp: Tối thiểu 80% số tiết học trên lớp.
- Tham gia thảo luận tại lớp.
- Làm bài tập cá nhân, bài tập nhóm được giao
- Tham gia làm bài kiểm tra giữa kỳ.
- Tham gia thi kết thúc học phần.

6. Học liệu

6.1. Tài liệu chính:

[1]. Clive Oxenden, Christina Latham-Koening, Paul Selison, *New English File, Pre-intermediate student's book,* Oxford University Press (2007).

[2]. Clive Oxenden, Christina Latham-Koening, Paul Selison, *New English File, Pre-intermediate workbook,* Oxford University Press (2007).

6.2. Tài liệu tham khảo

[1]. Self-study Material for Non-Major Students – English 03 (Tài liệu Khoa Ngoại ngữ biên soạn).

[2]. Murphy, Raymond, *English Grammar in Use*, (Trần Mạnh Tường dịch và chú giải) NXB Văn hóa – Thông tin (2012)

[3]. Michael McCarthy, Felicity O'Dell, *English Vocabulary in Use* Pre-Intermediate, Cambridge University Press (2010)

[4]. Jonathan Marks, *English Pronunciation in Use* Pre- Intermediate, Cambridge University Press (2007).

7. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần Tiếng Anh 3 là học phần bắt buộc trong khối kiến thức cơ sở ngành dành cho sinh viên không chuyên, gồm khối lượng kiến thức của 06 bài trong cuốn giáo trình *New English File Pre-Intermediate* do các tác giả Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig và Paul Selison biên soạn. Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đề ngữ pháp, từ vựng và ngữ âm tiếng Anh; từ vựng được sử dụng trong các tình huống hàng ngày; các kỹ năng ngôn ngữ đọc, viết, nghe, nói ở mức độ tiền trung cấp. Mỗi bài học gồm 04 phần tập trung vào các kiến thức về Ngữ âm (Pronunciation), ngữ pháp (Grammar), và từ vựng (Vocabulary), đan xen các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong đó chú trọng phát triển ngôn ngữ nói phục vụ mục đích giao tiếp bằng tiếng Anh.

Ngoài ra, sau mỗi bài học đều có 01 nội dung thực tế (Practical English) gồm các tình huống như trong nhà hàng, cửa hàng, sân bay, nhà ga, và phần củng cố kiến thức của toàn bài.

8. Kế hoạch giảng dạy:

Nội dung giảng dạy		Giờ trên lớp			Tự học	CĐR học phần	Hoạt động dạy	Hoạt động học
		LT	BT	KT				
Buổi 1	**4A. From rags to riches** - Present perfect (experience) + *ever, never*; present perfect or past simple? - Clothes - Vowel sounds - Have you ever been to Zara store?	2	1		6	CLO1 CLO2 CLO3	*GV giới thiệu ĐCCT học phần* - Hướng dẫn thực hành ngữ pháp thì hiện tại hoàn thành, thực hành kỹ năng nghe, nói với cấu trúc Have you ever been to **PPDH: M1, M2, M5**	- Nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi. - Nội dung tự học: + SV đọc và chuẩn bị trước bài 4B

Buổi 2	**4B. Family conflicts** - Present perfect simple + *yet, just, already* - Verb phrases - Consonant sounds - Problems with your teenage children	1	2		6	CLO1 CLO2 CLO4 CLO6	- Chữa BTVN - Hướng dẫn thực hành ngữ pháp thì hiện tại hoàn thành với yet, already, thực hành kỹ năng đọc và nói về chủ đề - Problems with your teenage children **PPDH: M1, M2, M4, M5**	- Nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi. - Nội dung tự học: + Làm bài tập phần 4A trong workbook. + SV đọc và chuẩn bị trước bài 4C, D
Buổi 3	**4C. Faster, faster!** - Comparatives, *as...as/less… than…* - Time expressions: *spend time, waste time,* etc. - Sentence stress - We're living faster but we're living better? **4D. The world's friendliest city** - Superlatives (+*ever* + present perfect) - Opposite adjectives - Word stress - Big cities	2	1		6	CLO1 CLO2 CLO4 CLO6	- Chữa BTVN - Hướng dẫn thực hành ngữ pháp về so sánh hơn, thực hành kỹ năng đọc và nói về chủ đề - Problems with your teenage children **PPDH: M1, M2, M3, M5**	- Nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi. - Nội dung tự học: + Làm bài tập phần 4B trong *Workbook.* + SV đọc và chuẩn bị trước bài 5A + Ôn tập nội dung đã học chuẩn bị cho bài kiểm tra định kỳ lần 1
Buổi 4	**5A. Are you a party animal?** - Uses of the infinitive (with to) - Verbs +infinitive	1	2		6	CLO1 CLO2 CLO3 CLO6	- Chữa BTVN - Hướng dẫn thực hành ngữ pháp về cách sử dụng động từ nguyên thể,	- Nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi. - Nội dung tự học: + SV làm bài

	- Word stress - What to say (not to say) to people at the parties						thực hành kỹ năng nghe và nói về chủ đề - What to say (not to say) at the parties **PPDH:** **M1, M2, M3, M5**	tập phần 5A trong *workbook*. + SV đọc và chuẩn bị trước bài 5B, 5C
Buổi 5	**5B. What makes you feel good?** - Verb+ing - Verbs followed by-ing - -ing - What makes you feel good? **5C. How much can you learn in a month?** - Have to/don't have to, must/musn't. - Modifiers: a bit. Really - Sentence stress - How much can you learn in a month?	1	2		6	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO6	- Chữa BTVN - Hướng dẫn thực hành ngữ pháp về cách sử dụng danh động từ, động từ khuyết thiếu, thực hành kỹ năng đọc, nói và viết về chủ đề - How much can you learn in a month? **PPDH:** **M1, M2, M5**	- Nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi. - Nội dung tự học: + SV làm bài tập phần 5B, 5C trong *workbook*. + SV đọc và chuẩn bị trước bài 5D + Ôn tập nội dung đã học chuẩn bị cho bài kiểm tra định kỳ lần 1
Buổi 6	**REVIEW & PROGRESS TEST 1:** - Self-study Material File 1 - Further activities		2	1	6	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO6	- Chữa BTVN - Bao quát phòng, coi kiểm tra **PPDH:** **M4, M5**	- Ghi chép, trả lời câu hỏi. - Làm bài kiểm tra 1 tiết lần 1 - Nội dung tự học: + SV đọc và chuẩn bị trước bài 5D
Buổi 7	**5D. The name of the game** - Expressing movement	1	2		6	CLO1 CLO2 CLO3 CLO6	- Hướng dẫn thực hành ngữ pháp về cách sử dụng giới từ, thực hành kỹ	- Nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi. - Nội dung tự học:

	- Prepositions of movements, sport. - Prepositions - Your most exciting sporting moments…						năng đọc, nói và viết về chủ đề - Your most exciting sporting moments… **PPDH: M1, M2, M3, M5**	+ SV làm bài tập phần 5D trong *workbook*.
Buổi 8	**6A. If something bad can happen, it will** - *If+ present*; will+infinitive (first conditional) -Confusing verbs - Long and short vowels - Murphy's law	1	2		6	CLO1 CLO4 CLO5 CLO6	- Chữa BTVN - Hướng dẫn thực hành ngữ pháp về câu điều kiện loại 1, các động từ dễ gây nhầm lẫn, thực hành kỹ năng đọc và viết về chủ đề - Murphy's law **PPDH: M1, M2, M3, M5**	- Nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi. - Nội dung tự học: + SV làm bài tập phần 6A trong *workbook*. + SV đọc và chuẩn bị trước bài 6B
Buổi 9	**6B. Never smile at a crocodile** - *If+past*; would+infinitive (second conditional) - Animals - Stress and rhythm - Nature's perfect killing machine	1	2		6	CLO1 CLO2 CLO3 CLO6	- Chữa BTVN - Hướng dẫn thực hành ngữ pháp về câu điều kiện loại 2, từ vựng về động vật, thực hành kỹ năng đọc và nghe về chủ đề Nature's perfect killing machine. **PPDH: M1, M2, M3, M5**	- Nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi. - Nội dung tự học: + SV làm bài tập phần 6B trong *workbook*. + SV đọc và chuẩn bị trước bài 6C
Buổi 10	**6C. Decisions, decisions** - *May/might* (possibility) - Word building; noun formation	1	2		6	CLO1 CLO2 CLO3 CLO6	- Chữa BTVN - Hướng dẫn thực hành ngữ pháp về động từ khuyết thiếu may/might, cách thành lập	- Nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi. - Nội dung tự học: + SV làm bài

	- Sentence stress, *-ion* endings - How to make decisions when you have to choose between possibilities?						danh từ, thực hành kỹ năng đọc và nói về chủ đề Nature's perfect killing machine. **PPDH: M1, M2, M4, M5**	tập phần 6C trong *workbook*. + SV đọc và chuẩn bị trước bài 6D
Buổi 11	**6D. What should I do?** -Should/ shouldn't - Get - Sentence stress - Radio FM-message boards **7A. Famous fear and phobias** - Present perfect - Guessing meaning from context	1	2		6	CLO1 CLO2 CLO3 CLO6	- Chữa BTVN - Hướng dẫn thực hành ngữ pháp về động từ khuyết thiếu should/shouldn't, thì hiện tại hoàn thành, thực hành kỹ năng nghe về chủ đề Radio FM-message boards, kỹ năng đọc về Guessing meaning from context **PPDH: M1, M2, M3, M5**	- Nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi. - Nội dung tự học: + SV làm bài tập phần 6D, 7A trong *workbook*. + Ôn tập nội dung đã học chuẩn bị cho bài kiểm tra định kỳ lần 2
Buổi 12	**REVIEW & PROGRESS TEST 2:** - Self-study Material Files 2 - Further activities		2	1	6	CLO1 CLO2 CLO3 CLO6	- Chữa BTVN - Bao quát phòng, coi kiểm tra **PPDH: M1, M2, M4, M5**	- Ghi chép, trả lời câu hỏi. - Làm bài kiểm tra 1 tiết lần 2 - Nội dung tự học: + SV đọc và chuẩn bị trước bài 7B

Buổi 13	**7B. Born to direct** - Present perfect or Past simle - Biographies - Word stress - Hitchcock or Tarantino? **7C. I used to be a rebel** - *Used to* - School subjects: *history, geography, etc.* - Sentence stress; *used to/didn't use to* - A famous rebel-but he was really?	1	2		6	CLO1 CLO5 CLO6	- Hướng dẫn thực hành ngữ pháp về thì hiện tại hoàn thành, cách dùng của Used to, thực hành kỹ năng viết về biographies, kỹ năng đọc về chủ đề famous rebel **PPDH: M4, M5**	- Nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi. - Nội dung tự học: + SV làm bài tập phần 7B, 7C trong *workbook.* + SV đọc và chuẩn bị trước bài 7D
Buổi 14	**7D. The mothers of invention** - Passive - Verb*; invent, discover, etc.* - *-ed*, sentence stress - Did you know…?	1	2		6	CLO1 CLO4 CLO5 CLO6	- Chữa BTVN - Hướng dẫn thực hành ngữ pháp về cách dùng của câu bị động, thực hành kỹ năng viết câu bị động, kỹ năng đọc về chủ đề inventions **PPDH: M1, M2, M3, M5**	- Nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi. - Nội dung tự học: + SV làm bài tập phần 7D trong *workbook.*
Buổi 15	**8A. I hate weekends!** - *Something, anything, nothing,* etc. - Adjectives ending in *–ed* and *–ing* - Vowel sounds	1	2		6	CLO1 CLO2 CLO3 CLO6	- Chữa BTVN - Hướng dẫn thực hành ngữ pháp câu bị động, thực hành kỹ năng nghe, nói về chủ đề weekends	- Nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi. - Nội dung tự học: + SV làm bài tập phần 8A trong *workbook.*

	- I hate weekends!						**PPDH: M1, M2, M3, M5**	
Buổi 16	**8B. How old is your body?** - Quantifiers, *too, not enough,* - Health and lifestyle - How old is your body?	1	2		6	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO6	- Chữa BTVN - Hướng dẫn thực hành ngữ pháp cách dùng của các từ định lượng và tính từ đuôi ing và ed, thực hành kỹ năng nghe, nói, đọc về chủ đề health and lifestyle, body age **PPDH: M1, M2, M4, M5**	- Nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi. - Nội dung tự học: + SV làm bài tập phần 8B trong *workbook.* + SV đọc và chuẩn bị trước bài 8C, 8D student book
Buổi 17	**8C. Waking up is hard to do** - word order of phrasal verbs. **8D. "I'm Jim". "So am I"** - So/neither + auxiliaries - similarities - Vowel and consonant sounds, sentence stress	2	1		6	CLO1 CLO4 CLO6	- Chữa BTVN - Hướng dẫn thực hành ngữ pháp về trật tự từ trong cụm động từ, cách dùng của so and neither, thực hành kỹ năng viết về chủ đề similarities **PPDH: M1, M2, M4, M5**	- Nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi. - Nội dung tự học: - SV ôn tập cho bài kiểm tra số 3
Buổi 18	**REVIEW & PROGRESS TEST 3** - Self-study Material File 3 - Further activities			3	6	CLO1 CLO2 CLO3 CLO6	- Hỏi thi vấn đáp **PPDH: M4, M5**	- Ghi chép, trả lời câu hỏi. - Làm bài kiểm tra định kỳ lần 3 (vấn đáp)

								- Nội dung tự học: + SV đọc và chuẩn bị trước bài 9A
Buổi 19	**9A. What a week!** - Past perfect - Adverbs: *suddenly, immediately,* etc. - Revision for vowel sounds and sentence stress - Fact is always stranger than fiction	1	2		6	CLO1 CLO3 CLO4 CLO6	- Chữa BTVN - Hướng dẫn thực hành ngữ pháp thì quá khứ hoàn thành, các trạng từ, thực hành kỹ năng đọc, viết về chủ đề Fact is always stranger than fiction **PPDH: M1, M2, M3, M5**	- Nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi. - Nội dung tự học: + SV làm bài tập phần 9A trong *workbook.* + SV đọc và chuẩn bị trước bài 9B
Buổi 20	**9B. Then he kissed me** - Reported speech - *Say, tell,* or *ask?* - Rhyming verbs - Then he kissed me **- Review for the final test**	1	2		6	CLO1 CLO3 CLO4 CLO6	- Chữa BTVN - Hướng dẫn thực hành ngữ pháp câu tường thuật, thực hành kỹ năng viết câu tường thuật - Công bố điểm thành phần, điều kiện thi - Hướng dẫn ôn tập hết học phần **PPDH: M1, M2, M3, M5**	- Nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi. - Nội dung tự học: + SV làm bài tập phần 9B trong *workbook.* - SV ôn tập các nội dung đã học.
Tổng số tiết		**20**	**35**	**05**	**120**			

9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:

- Giảng đường: Theo bố trí của PQLĐT.
- Danh mục trang thiết bị: Các nhóm sinh viên mang theo laptop; giáo trình và dụng cụ học tập.

10. Đánh giá kết quả học tập

10.1. Phương pháp, hình thức đánh giá

10.1.1 Các phương pháp đánh giá

1) Đánh giá chuyên cần (Tham gia học trên lớp; ý thức, thái độ, chất lượng tham gia các hoạt động học tập)

2) Đánh giá kiến thức, kỹ năng:

a) Vấn đáp: Các câu hỏi theo chủ đề đã học

b) Viết: Tự luận, trắc nghiệm

10.1.2 Các hình thức đánh giá

a) Đánh giá thường xuyên (chuyên cần, thảo luận)

b) Đánh giá định kỳ (3 bài kiểm tra)

10.2. Miêu tả các bài kiểm tra trong kỳ, bài thi hết học phần và bộ tiêu chí đánh giá:

10.2.1. Các bài kiểm tra trong kỳ và bài thi hết học phần

(1) Sinh viên sẽ làm 02 bài kiểm tra hình thức trắc nghiệm và tự luận 45 phút về 3 kỹ năng nghe, đọc, viết về nội dung đã được học:

- Bài kiểm tra dưới dạng trắc nghiệm ngữ pháp, từ vựng, viết câu với từ cho sẵn, nghe đoạn hội thoại chọn đáp ứng đúng và hoàn thành thông tin.

(2) Sinh viên sẽ làm 01 bài kiểm tra vấn đáp

- Mỗi sinh viên sẽ có thời lượng 5 phút để kiểm tra kỹ năng nói về các chủ đề đã học.

(3) Thi kết thúc học phần Tiếng anh 3 bằng hình thức thi trắc nhiệm + tự luận 60 phút.

- Các bài kiểm tra kết thúc học phần dưới dạng trắc nghiệm ngữ pháp, từ vựng và viết câu với từ cho sẵn, nghe đoạn hội thoại chọn đáp ứng đúng và hoàn thành thông tin.

10.2.2. Các tiêu chí đánh giá bài kiểm tra tự luận trong kỳ và thi tự luận hết học phần

Tiêu chí đánh giá của từng câu hỏi trong đề thi	**Mức chất lượng**	**Thang điểm %**
− Nội dung đủ, trả lời đúng 100% câu hỏi. − Trình bày rõ ràng, diễn đạt ngắn gọn, súc tích, logic. − Mắc 1-2 lỗi về thuật ngữ chuyên môn. − Còn vài lỗi chính tả.	Mức A (Vượt quá mong đợi)	85 - 100
− Trả lời đúng 70-80% câu hỏi. − Trình bày rõ ràng, diễn đạt logic. − Mắc ít lỗi (3-5) lỗi về thuật ngữ chuyên môn. − Có khá nhiều lỗi chính tả.	Mức B (Đáp ứng được mong đợi)	70 - 84
− Trả lời đúng 50-60% câu hỏi. − Trình bày không rõ ý, chưa logic. − Mắc lỗi về thuật ngữ chuyên môn (trên 5 lỗi). − Nhiều lỗi chính tả.	Mức C (Đạt)	55 - 69
− Trả lời đúng 40-50% câu hỏi.		

− Không làm hết câu hỏi, bỏ nội dung hơn 60%. − Trình bày tối nghĩa, diễn đạt không rõ ý. − Mắc nhiều lỗi về thuật ngữ chuyên môn. − Nhiều lỗi chính tả.	Mức D (Đạt, song cần cải thiện)	40 – 54
− Các trường hợp còn lại	Mức F (Không đạt)	Dưới 40

10.2.3. Các tiêu chí đánh giá bài thi vấn đáp

Các tiêu chí	**8.5 – 10.0 (Điểm A)**	**7.0 – 8.4 (Điểm B)**	**5.5 – 6.9 (Điểm C)**	**4.0 – 5.4 (Điểm D)**	**Dưới 4.0 (Điểm F – Không đạt)**
1. Fluency (Độ trôi chảy)	Nói được đúng chủ đề trong thời gian cho phép, có thể nghe và đáp lại câu hỏi, có khả năng phát triển ý cho câu trả lời dài hơn.	Nói được đúng chủ đề trong thời gian cho phép, có thể nghe và đáp lại câu hỏi, ít phát triển ý cho câu trả lời.	Nói được đúng chủ đề trong thời gian cho phép, có thể nghe và đáp lại câu hỏi tuy còn ngập ngừng, chưa phát triển ý cho câu trả lời.	Không nói được nhiều về chủ đề trong thời gian cho phép, nhưng không bị lạc đề, nghe và đáp lai được ít câu hỏi, chưa phát triển được ý cho câu trả lời	Không nói được về chủ đề hoặc nói rất ít, không trả lời được hoặc trả lời rất ít câu hỏi.
2. Pronunciation (Phát âm)	Phát âm chuẩn, rõ ràng, có ngữ điệu, dễ hiểu	Đôi khi còn phát âm chưa chính xác nhưng không gây hiểu nhầm	Phát âm còn khá nhiều lỗi, đôi khi gây hiểu lầm	Phát âm sai thường xuyên và gây khó khăn cho người nghe	Lời nói thường không thể hiểu được
3. Grammar (Ngữ pháp)	Sử dụng linh hoạt các cấu trúc ngữ pháp mặc dù vẫn có thể có lỗi	Sử dụng kết hợp các cấu trúc, thường xuyên mắc lỗi với các cấu trúc phức nhưng	Sử dụng nhiều câu đơn và có thể gây khó hiểu	Mắc nhiều lỗi ngoại trừ các cách diễn đạt được ghi nhớ	Không thể tạo mẫu câu cơ bản

		hiếm khi khó hiểu			
4. Vocabulary (Từ vựng)	Thí sinh sử dụng từ vựng đa dạng theo chủ đề được hỏi, có thể thay đổi cách diễn đạt	Có thể nói về các chủ đề quen thuộc, ít thay đổi cách diễn đạt	Sử dụng từ vựng đơn giản để truyền đạt thông tin cá nhân	Chỉ đưa ra được các từ rời rạc hoặc lời nói đã ghi nhớ	Không thể giao tiếp, không có ngôn ngữ được đánh giá

Hà Nội, ngày 15 tháng 09 năm 2019

P. Trưởng khoa	Trưởng bộ môn	Người soạn đề cương
ThS. Nguyễn Thị Định	ThS. Nguyễn Thị Định	ThS. Lê Thị Yến